

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	0	2	0	2	0	2	0	0	60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			0	30	0	30	0	30	0	10	100
Tỉ lệ (%)			30		30		30		10		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống. - Xác định được số từ phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). - Xác định được các phép liên kết câu trong đoạn văn Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản.	2TL	1TL	1TL	
2	Viết	Nghị luận về một vấn	Nhận biết: Thông hiểu:				1TL*

		đề trong đời sống.	Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống.				
Tổng				2Tl	1Tl	1TL	1 TL
Tỉ lệ %				30	10	20	40

Tỉ lệ chung		60 %	40 %
--------------------	--	------	------

ĐỀ 1:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 –

THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

Ngoài ra, ranh giới giữa thói xấu và đức tốt chỉ là một sợi tóc. Ví dụ như thói ngạo mạn và lòng dũng cảm. Thói lỗ mãng và tính cương trực. Thói ngoan cố và lòng thành thực. Tính nóng nảy và sự nhanh nhạy. Tố chất gốc tự nó không phải là xấu.

Tuy vậy, duy có một thứ, vốn dĩ tố chất gốc đã là xấu, cho nên bất cứ ở đâu, dù ở mức độ nào và nhằm mục đích ra sao, thì nó vẫn cứ là thói xấu. Thứ đó chính là tham lam.

Tham lam thường ngấm ngấm nảy sinh trong lòng. Tham vọng khiến người ta lập mưu tính kế hãm hại người khác nhằm thoả mãn sự ghen tức, hay xoa dịu nỗi bất hạnh của chính mình. Vì thế những kẻ ôm ấp lòng tham không hề đóng góp gì mà chỉ phá hoại hạnh phúc xã hội.

Ghen ghét, lường gạt, giả dối là những thói mà người ta thường gọi là lừa đảo bịp bợm. Đây là một thói đê tiện. Nhưng nó không phải là nguyên nhân đẻ ra sự tham lam. Ngược lại, phải thấy rằng chính tham lam đã sản sinh ra những thói đê tiện ấy mới đúng.

Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.

Thái độ cay cú ngờ vực, ghen tức, hèn nhát... cũng từ tham lam mà ra. Từ những hành vi thậm thụt, mật đàm, mưu mô cho đến việc lôi kéo bè cánh, ám sát, nổi loạn... tất cả đều phát sinh từ tham lam.

Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân. Khi đó thì mọi lợi ích công đều biến thành lợi ích riêng của một nhóm người.

(Fukuzawa Yukichi, “Tham lam” đối với người khác chính là nguồn gốc của mọi thói xấu in trong Khuyến học, Phạm Hữu Lợi dịch, NXB Nhà xuất bản Dân trí)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo thể loại văn bản nào ? Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì ? (2đ)

Câu 2: Tìm các phép liên kết câu trong đoạn văn: “Tham lam là nguồn gốc của mọi thói xấu. Có thể nói: Không có thói xấu nào trong con người mà lại không xuất phát từ tham lam.” (2đ)

Câu 3: Em có đồng ý với suy nghĩ của tác giả: “Trên phạm vi quốc gia, những tai hoạ do lòng tham gây ra khiến cho dân chúng đều trở thành nạn nhân.” Không? Vì sao? (2đ)

II. VIẾT(4đ):

Hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Câu 1.HS cần trả lời:

- Đoạn trích trên được viết theo thể loại văn bản nghị luận.(1đ)
- Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là: Bàn về tính tham lam (1đ)

Câu 2: Các phép liên kết câu trong đoạn văn:

- Phép lặp từ ngữ: tham lam- tham lam; thói xấu- thói xấu.
- Phép nối: có thể nói

Câu 3: HS nêu được ý kiến của mình sao cho phù hợp. Lí giải hợp lí (Phù hợp với chuẩn mực đạo đức)

II	VIẾT	4,0
----	------	-----

	<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một vấn đề mà em quan tâm.	0,25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	
	a. Nêu vấn đề b. Giải quyết vấn đề - Thực trạng của vấn đề - Tác hại của vấn đề - Nguyên nhân của vấn đề - Một số giải pháp c. Kết thúc vấn đề	2.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> HS đưa ra được bài học cho bản thân, cách nhìn nhận mới về vấn đề.	0,5

ĐỀ 2:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Theo Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2007, tr 36-37)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Văn bản “Thời gian là vàng” thuộc loại văn bản gì? Tác giả bài viết đã đưa ra những ý kiến nào để khẳng định giá trị của thời gian đối với con người? (2đ)

Câu 2: Tìm các phép liên kết câu được sử dụng trong đoạn văn dưới đây:

*“Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. **Nhưng** vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.” (2đ)*

Câu 3. Qua văn bản trên em rút ra bài học gì về việc sử dụng thời gian? (Trả lời bằng đoạn văn dài khoảng 5- 7 dòng)

II. VIẾT (4,0 điểm):

Em hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. ĐỌC HIỂU:

Câu 1: HS cần trả lời:

- Văn bản “Thời gian là vàng” thuộc loại văn bản nghị luận.
- Tác giả bài viết đã đưa ra những ý kiến để khẳng định giá trị của thời gian đối với con người:

- + Thời gian là vàng
- + Thời gian là sự sống
- + Thời gian là thắng lợi
- + Thời gian là tiền
- + Thời gian là tri thức

Câu 2:

Các phép liên kết câu được sử dụng trong đoạn văn:

- Phép lặp từ ngữ:
 - + thời gian- thời gian- thời gian
 - + Vàng- vàng- vàng
- Phép nối: nhưng

Câu 3:

HS nêu được ít nhất 02 bài học rút ra được là về việc sử dụng thời gian:

Gợi ý:

- Cần sử dụng thời gian một cách hợp lí, có kế hoạch cho từng việc.
- Không nên lãng phí thời gian vì thời gian đã qua thì không thể lấy lại được.

II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> viết bài văn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận - Triển khai các vấn đề nghị luận - Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp, bài học... - Khẳng định lại ý kiến, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động.	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0,5

